TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI** **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2024 /DS- ST
Ngày: 07-6-2024
Về việc "Tranh chấp
hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI TỈNH QUẢNG NGÃI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ toạ phiên toà: Trần Thị Thanh Bình
Các Hội thẩm:
1. Ông Bùi Vạn Huynh
2. Bà Nguyễn Thị Thanh

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Đỗ Thị Thu Nha

Đại diện Viện Kiểm Sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi tham gia phiên toà: Bà Hoàng Thị Thương Huyền- Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 6 năm 2024, tại Toà án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 231/2023/TLST-DS ngày 26/10/2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 120/2024/QĐXXST - DS ngày 24/4/2024, Quyết định hoãn phiên toà số 112/2024/ QĐST-DS ngày 16/5/2024 của Toà án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần S
(Tên viết tắt: S1)

Địa chỉ: số B đường N, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D- Chức vụ Tổng Giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần S

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Minh H, chức vụ: Quyền Giám đốc phụ trách Ngân hàng Thương mại Cổ phần S Chi nhánh Q, địa chỉ: D Q, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi theo văn bản ủy quyền số 3524/2023/QĐ-PL ngày 25/12/2023; Ông Trần Minh H ủy quyền lại cho bà Thái Thị L, chức vụ: Trưởng phòng kiểm soát rủi ro Ngân hàng Thương mại Cổ phần S Chi nhánh Q, địa chỉ: D Q, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi, theo Giấy ủy quyền số 92/2023/GUQ-CNQNI ngày 04/3/2024.

2.Bị đơn: Ông Nguyễn Thành H1, sinh năm 1971
Bà Đỗ Phương T, sinh năm 1982

Cùng cư trú: Số B đường Q, phường L, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có mặt tại phiên tòa; Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu có tại hồ sơ và tại phiên toà đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

1. Đối với ông Nguyễn Thành H1:

Vào ngày 06/04/2011, ông Nguyễn Thành H1 ký Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm Hợp đồng và bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng- các tài liệu này gọi chung là Hợp đồng), Ngân hàng Thương mại Cổ phần S2 đã cấp cho ông Nguyễn Thành H1 thẻ tín dụng hạn mức sử dụng là 200.000.000đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân.

Vào ngày 08/5/2019, ông Nguyễn Thành H1 ký Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm Hợp đồng và bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng- các tài liệu này gọi chung là Hợp đồng), Ngân hàng Thương mại Cổ phần S đã cấp cho ông Nguyễn Thành H1 thẻ tín dụng hạn mức sử dụng là 200.000.000đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân.

Sau khi ký hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng, ông Nguyễn Thành H1 đã được cấp 4 thẻ tín dụng, cụ thể: Thẻ tín dụng số 455376-5316, thẻ tín dụng số 472075-4781, thẻ tín dụng số 356481-7330 và thẻ tín dụng số 211251-4905.

- Sau khi được cấp thẻ số 455376-5316, ông Nguyễn Thành H1 đã thực hiện 37 giao dịch với số tiền là 1.573.233.355đồng; Ông Nguyễn Thành H1 đã trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S 1.533.982.770đồng, trừ tiền lãi trong hạn là 19.456.733đồng, phí trễ hạn 1.782.846đồng, phí khác (phí thường niên, phí rút tiền mặt…) 19.731.000đồng và nợ gốc thì tính đến ngày 06/6/2024 ông Nguyễn Thành H1 còn nợ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền nợ gốc là: 80.221.164đồng, tiền lãi trong hạn: 25.087.725 đồng, tiền lãi quá hạn: 12.543.863đồng, tổng cộng: 117.852.752đồng.

- Sau khi được cấp thẻ tín dụng số 470275-4781, ông Nguyễn Thành H1 đã thực hiện 05 giao dịch với số tiền là 175.005.000đồng; Ông Nguyễn Thành H1 đã trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S 181.683.249đồng, trừ tiền lãi trong hạn là 47.619.068đồng, phí trễ hạn 1.039.107đồng, phí vượt hạn mức 150.000đồng, phí khác (phí thường niên, phí rút tiền mặt…) 10.286.000đồng và tiền nợ gốc thì tính đến ngày 06/6/2024 ông Nguyễn Thành H1 còn nợ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền nợ gốc là: 52.415.926đồng, tiền lãi trong hạn: 18.751.064đồng, tiền lãi quá hạn: 9.375.532đồng, tổng cộng:80.542.522đồng.

- Sau khi được cấp thẻ tín dụng số 356481-7330, ông Nguyễn Thành H1 đã thực hiện 08 giao dịch với số tiền là 617.500.000đồng; Ông Nguyễn Thành H1 đã trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S 592.811.058đồng, trừ tiền lãi trong hạn là 124.751.941đồng, phí trễ hạn 3.363.101đồng, phí khác (phí thường niên, phí rút tiền mặt…) 1.596.000đồng và nợ gốc thì tính đến ngày 06/6/2024 ông Nguyễn Thành H1 còn nợ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền nợ gốc là: 154.399.984đồng, tiền lãi trong hạn:

54.237.935đồng, tiền lãi quá hạn: 27.118.968đồng, tổng cộng: 235.756.887đồng.

- Sau khi được cấp thẻ tín dụng số 211251-4905, ông Nguyễn Thành H1 đã thực hiện 04 giao dịch với số tiền là 10.000.000đồng; Ông Nguyễn Thành H1 đã trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S 8.030.000đồng, trừ tiền lãi trong hạn là 639.134đồng, phí trễ hạn 400.000đồng và nợ gốc, thì tính đến ngày 06/6/2024 ông Nguyễn Thành H1 còn nợ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền nợ gốc là: 2.970.000đồng, tiền lãi trong hạn: 580.041đồng, tiền lãi quá hạn: 290.021đồng, tổng cộng: 3.840.062đồng.

Như vậy tính đến ngày 06/06/2024 ông Nguyễn Thành H1 còn nợ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S tổng cộng:437.992.221đồng, trong đó nợ gốc là 290.007.074đồng, nợ lãi trong hạn 98.656,765đồng, nợ lãi quá hạn 49.328.382đồng.

2. Đối với bà Đỗ Phương T:

Vào ngày 08/5/2019, bà Đỗ Phương T ký Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm Hợp đồng và bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng- các tài liệu này gọi chung là Hợp đồng), Ngân hàng Thương mại Cổ phần S đã cấp cho bà Đỗ Phương T thẻ tín dụng số 472075-4112, với mục đích tiêu dùng cá nhân.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng số 472075-4112, bà Đỗ Phương T đã thực hiện 32 giao dịch với số tiền là 606.069.360đồng; bà Đỗ Phương T đã trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền 589.433.620 đồng, trừ tiền lãi trong hạn là 24.968.053đồng, phí trễ hạn 1.093.646đồng, phí vượt hạn mức 109.333đồng, phí khác (phí thường niên, phí rút tiền mặt…) 11.603.000đồng, tính đến ngày 06/6/2024 bà Đỗ Phương T còn nợ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền nợ gốc là: 54.409.772đồng, tiền lãi trong hạn: 16.623.709đồng, tiền lãi quá hạn: 8.311.854đồng, tổng cộng: 79.345.335đồng.

Ông Nguyễn Thành H1 và bà Đỗ Phương T đã vi phạm hợp đồng, Ngân hàng Thương mại Cổ phần S đã nhiều lần yêu cầu thanh toán nợ nhưng ông Nguyễn Thành H1 và bà Đỗ Phương T vẫn không thực hiện, vì vậy nay Ngân hàng Thương mại Cổ phần S yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Đối với ông Nguyễn Thành H1:

- Yêu cầu ông Nguyễn Thành H1 phải thanh toán nợ của thẻ tín dụng số 455376-5316, tạm tính đến ngày 06/6/2024 nợ gốc là: 80.221.164đồng, tiền lãi trong hạn: 25.087.725 đồng, tiền lãi quá hạn: 12.543.863đồng, tổng cộng: 117.852.752đồng.

- Yêu cầu Nguyễn Thành H1 phải thanh toán nợ của thẻ tín dụng số 470275-4781, tạm tính đến ngày 06/6/2024 nợ gốc là: 52.4415.926đồng, tiền lãi trong hạn: 18.751.064đồng, tiền lãi quá hạn: 9.375.532đồng, tổng cộng:80.542.522đồng.

- Yêu cầu Nguyễn Thành H1 phải thanh toán nợ của thẻ tín dụng số 356481-7330, tạm tính đến ngày 06/6/2024 nợ gốc là: 154.399.984đồng, tiền

lãi trong hạn: 54.237.935đồng, tiền lãi quá hạn: 27.118.968đồng, tổng cộng: 235.756.887đồng.

- Yêu cầu Nguyễn Thành H1 phải thanh toán nợ của thẻ tín dụng số 211251-4905, tạm tính đến ngày 06/6/2024 nợ gốc là: 2.970.000đồng, tiền lãi trong hạn: 580.041đồng, tiền lãi quá hạn: 290.021đồng, tổng cộng: 3.840.062đồng.

Tổng cộng số tiền nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 06/6/2024 yêu cầu ông Nguyễn Thành H1 phải trả cho nguyên đơn là: 437.992.221đồng, trong đó: nợ gốc là 290.007.074đồng và tiền lãi trong hạn 98.656.765đồng, tiền lãi quá hạn 49.328.382đồng.

2. Đối với bà Đỗ Phương T: Yêu cầu bà Đỗ Phương T phải thanh toán cho nguyên đơn khoản nợ của thẻ tín dụng số 472075-4112, tạm tính đến ngày 06/6/2024 tổng cộng: 79.345.335đồng, trog đó nợ gốc là: 54.409.772đồng, tiền lãi trong hạn: 16.623.709đồng, tiền lãi quá hạn: 8.311.854đồng.

3. Yêu cầu ông Nguyễn Thành H1 và bà Đỗ Phương T phải tiếp tục trả tiền lãi của các khoản nợ thẻ tín dụng nêu trên từ ngày xét xử cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Bị đơn là ông Nguyễn Thành H1 và bà Đỗ Phương T không có văn bản trình bày.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Bị đơn không chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ Khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 91, Điều 92, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Q1, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S, buộc bị đơn ông Nguyễn Thành H1 phải trả cho nguyên đơn số tiền nợ tổng cộng là 437.992.221đồng, trong đó: nợ gốc là 290.007.074đồng và tiền lãi trong hạn 98.656.765đồng, tiền lãi quá hạn 49.328.382đồng; Buộc bị đơn bà Đỗ Phương T phải trả cho nguyên đơn số tiền tổng cộng: 79.345.335đồng, trog đó nợ gốc là: 54.409.772đồng, tiền lãi trong hạn: 16.623.709đồng, tiền lãi quá hạn: 8.311.854đồng; Bị đơn phải tiếp tục trả tiền lãi của các khoản nợ thẻ tín dụng nêu trên từ ngày xét xử cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng; Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật, nguyên đơn không phải chịu án phí, hoàn trả tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Về tố tụng:

[1] Về thẩm quyền: Đây là vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng, bị đơn ông Nguyễn Thành H1 và bà Đỗ Phương T đều có nơi cư trú tại địa chỉ 2 Q, phường L thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa ngày 16/5/2024, ông Nguyễn Thành H1 và bà Đỗ Phương Thanh vắng m, căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa ngày 07/6/2024, ông Nguyễn Thành H1 và bà Đỗ Phương Thanh vắng m không có lý do, căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung:

[1] Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S khởi kiện yêu cầu bị đơn là ông Nguyễn Thành H1 phải trả nợ theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ký kết ngày 06/04/2011 và ngày 08/5/2019 (thẻ tín dụng số 455376-5316, thẻ tín dụng số 472075-4781, thẻ tín dụng số 356481-7330, thẻ tín dụng số 211251-4905) và yêu cầu bị đơn bà Đỗ Phương T phải trả nợ theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ký kết ngày 08/5/2019 (thẻ tín dụng số 472075-4112), ông Nguyễn Thành H1 và bà Đỗ Phương T đã được tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, nhưng ông Nguyễn Thành H1 và bà Đỗ Phương T không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S, như vậy việc nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Thành H1 phải trả nợ theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ký kết ngày 06/04/2011 và ngày 08/5/2019 (thẻ tín dụng số 455376-5316, thẻ tín dụng số 472075-4781, thẻ tín dụng số 356481-7330, thẻ tín dụng số 211251-4905) và yêu cầu bị đơn bà Đỗ Phương T phải trả nợ theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ký kết ngày 08/5/2019 (thẻ tín dụng số 472075-4112) là có căn cứ.

[2] Từ những phân tích trên, theo quy định tại khoản 1 Điều 275, Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S, buộc bị đơn là ông Nguyễn Thành H1 phải trả nợ cho nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ký kết ngày 06/04/2011 và ngày 08/5/2019 đối với khoản nợ của thẻ tín dụng số 455376-5316, thẻ tín dụng số 472075-4781, thẻ tín dụng số 356481-7330 và thẻ tín dụng số 211251-4905, tổng cộng số tiền nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 06/6/2024 là: 437.992.221đồng, trong đó: nợ gốc là 290.007.074đồng và tiền lãi trong hạn 98.656.765đồng, tiền lãi quá hạn 49.328.382đồng, cụ thể:

- Nợ của thẻ tín dụng số 455376-5316, tạm tính đến ngày 06/6/2024 nợ gốc là: 80.221.164đồng, tiền lãi trong hạn: 25.087.725 đồng, tiền lãi quá hạn: 12.543.863đồng, tổng cộng: 117.852.752đồng.

- Nợ của thẻ tín dụng số 470275-4781, tạm tính đến ngày 06/6/2024 nợ gốc là: 52.4415.926đồng, tiền lãi trong hạn: 18.751.064đồng, tiền lãi quá hạn: 9.375.532đồng, tổng cộng: 80.542.522đồng.

- Nợ của thẻ tín dụng số 356481-7330, tạm tính đến ngày 06/6/2024 nợ gốc là: 154.399.984đồng, tiền lãi trong hạn: 54.237.935đồng, tiền lãi quá hạn: 27.118.968đồng, tổng cộng: 235.756.887đồng.

- Nợ của thẻ tín dụng số 211251-4905, tạm tính đến ngày 06/6/2024 nợ gốc là: 2.970.000đồng, tiền lãi trong hạn: 580.041đồng, tiền lãi quá hạn: 290.021đồng, tổng cộng: 3.840.062đồng.

[3] Từ những phân tích trên, theo quy định tại khoản 1 Điều 275, Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S, buộc bị đơn là bà Đỗ Phương T phải trả nợ cho nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S khoản nợ theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ký kết ngày 08/5/2019 đối với khoản nợ của thẻ tín dụng số 472075-4112, cụ thể tạm tính đến ngày 06/06/2024 tổng cộng 79.345.335đồng, trong đó nợ gốc là: 54.409.772đồng, tiền lãi trong hạn: 16.623.709đồng, tiền lãi quá hạn: 8.311.854đồng.

[4] Đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S về việc yêu cầu ông Nguyễn Thành H1 phải tiếp tục trả tiền lãi của thẻ tín dụng số 455376-5316, thẻ tín dụng số 472075-4781, thẻ tín dụng số 356481-7330 và thẻ tín dụng số 211251-4905 kể từ ngày xét xử cho đến khi ông Nguyễn Thành H1 trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ký kết ngày 06/04/2011 và ngày 08/5/2019, yêu cầu này của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S là phù hợp quy định của pháp luật và Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng đã ký kết, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S về việc yêu cầu bà Đỗ Phương T phải tiếp tục trả tiền lãi của thẻ tín dụng số 472075-4112 từ ngày xét xử cho đến khi bà Đỗ Phương T trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ký kết ngày 08/5/2019, yêu cầu này của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S là phù hợp quy định của pháp luật và Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng đã ký kết, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi về việc giải quyết vụ án là đúng pháp luật.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Thành H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 21.519.688đồng, làm tròn số là 21.520.000đồng (20.000.000đồng x 4% của phần giá trị tài sản có tranh chấp vượt 400.000.000đồng).

- Bà Đỗ Phương T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.967.266đồng, làm tròn số là 3.967.000đồng (79.345.335đồng x 5% = 3.967.266đồng);

- Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí 8.811.131đồng nguyên đơn đã nộp tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 275, Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 91, Khoản 2 Điều 95 của Luật Các tổ chức Tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (Tên viết tắt: S1), buộc bị đơn ông Nguyễn Thành H1 phải trả nợ cho nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (Tên viết tắt: S1) theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ký kết ngày 06/04/2011 và Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ký kết ngày 08/5/2019 đối với khoản nợ của thẻ tín dụng số 455376-5316, thẻ tín dụng số 472075-4781, thẻ tín dụng số 356481-7330 và thẻ tín dụng số 211251-4905, tổng cộng số tiền nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 06/6/2024 là: 437.992.221đồng *(Bốn trăm ba mươi bảy triệu chín trăm chín mươi hai ngàn hai trăm hai mươi mốt đồng)*, trong đó: nợ gốc là 290.007.074đồng và tiền lãi trong hạn 98.656.765đồng, tiền lãi quá hạn 49.328.382đồng, cụ thể:

- Khoản nợ của thẻ tín dụng số 455376-5316, tạm tính đến ngày 06/6/2024 nợ gốc là: 80.221.164đồng, tiền lãi trong hạn: 25.087.725 đồng, tiền lãi quá hạn: 12.543.863đồng, tổng cộng: 117.852.752đồng.

- Khoản nợ của thẻ tín dụng số 470275-4781, tạm tính đến ngày 06/6/2024 nợ gốc là: 52.4415.926đồng, tiền lãi trong hạn: 18.751.064đồng, tiền lãi quá hạn: 9.375.532đồng, tổng cộng: 80.542.522đồng.

- Khoản nợ của thẻ tín dụng số 356481-7330, tạm tính đến ngày 06/6/2024 nợ gốc là: 154.399.984đồng, tiền lãi trong hạn: 54.237.935đồng, tiền lãi quá hạn: 27.118.968đồng, tổng cộng: 235.756.887đồng.

- Khoản nợ của thẻ tín dụng số 211251-4905, tạm tính đến ngày 06/6/2024 nợ gốc là: 2.970.000đồng, tiền lãi trong hạn: 580.041đồng, tiền lãi quá hạn: 290.021đồng, tổng cộng: 3.840.062đồng.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S(Tên viết tắt: S1), buộc bị đơn là bà Đỗ Phương T phải trả cho nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (Tên viết tắt: S1) khoản nợ theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 08/5/2019 đối với thẻ tín dụng số 472075-4112, cụ thể tạm tính đến ngày 06/06/2024 tổng cộng 79.345.335đồng *(Bảy mươi chín triệu ba trăm bốn mươi lăm ngàn ba trăm ba mươi lăm đồng)*, trong đó nợ gốc là: 54.409.772đồng, tiền lãi trong hạn: 16.623.709đồng, tiền lãi quá hạn: 8.311.854đồng.

3. Kể từ ngày xét xử sơ thẩm 07/6/2024 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án là ông Nguyễn Thành H1 còn phải chịu các khoản tiền

lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ký kết ngày 06/04/2011 và Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ký kết ngày 08/5/2019 (đối với thẻ tín dụng số 455376-5316, thẻ tín dụng số 472075-4781, thẻ tín dụng số 356481-7330 và thẻ tín dụng số 211251-4905) giữa ông Nguyễn Thành H1 và Ngân hàng Thương mại cổ phần S (Tên viết tắt: S1) cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ký kết ngày 06/04/2011 và Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ký kết ngày 08/5/2019 các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà ông Nguyễn Thành H1 phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

4. Kể từ ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu các khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ký kết ngày 08/5/2019 (đối với thẻ tín dụng số 472075-4112) giữa bà Đỗ Phương T và Ngân hàng Thương mại cổ phần S (Tên viết tắt: S1) cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ký kết ngày 08/5/2019, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà bà Đỗ Phương T phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Thành H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 21.520.000đồng *(Hai mươi mốt triệu năm trăm hai mươi ngàn đồng)*.

- Bà Đỗ Phương T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.967.000đồng *(Ba triệu chín trăm sáu mươi bảy ngàn đồng)*.

- Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S số tiền 8.811.131đồng *(Tám triệu tám trăm mười một ngàn một trăm ba mươi mốt đồng)* đã nộp tạm ứng án phí tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0000048 ngày 20/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Nơi nhận:
TÒA
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND TP. Quảng Ngãi;
- Chi cục THADS TP. Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN

Trần Thị Thanh Bình